

Bản án số: 1277/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 13/7/2022  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vương Thị Lan Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Bích Thân
- Ông Lê Hữu Luân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 0130/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 1 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn K (có mặt)

Địa chỉ: Căn hộ A, đường H, phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Lê P (có mặt) và Luật sư Hồ T (có đơn xin vắng mặt) – Văn phòng Luật sư 24 giờ - Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 62 Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trịnh T (có mặt)

Địa chỉ: Đường B, Phường M, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn K trình bày: Bà và ông Trịnh T tự nguyện tìm hiểu, chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 09/10/2009, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 191 quyền số 01/2009.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên, về sau giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm về mọi mặt, tình cảm vợ chồng

ngày càng đi xuống, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Ngoài ra, ông T còn phát sinh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Bà đã cố gắng nhiều lần cùng chồng bàn luận, hòa giải để hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay.

Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Trịnh Đ sinh ngày 30/01/2010 và Trịnh Th sinh ngày 28/6/2013, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng/tháng/trẻ.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, bị đơn là ông Trịnh T trình bày: Ông xác định quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng đúng như lời trình bày của nguyên đơn, tuy nhiên không có việc ông có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn,, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đồng ý ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông và bà K có 02 con chung tên Trịnh Đ sinh ngày 30/01/2010 và Trịnh Th sinh ngày 28/6/2013, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với bị đơn, được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng 7.500.000 đồng/tháng/trẻ.

Bị đơn: Đồng ý ly hôn với nguyên đơn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án xét xử giao 02 con chung cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, ông chỉ đồng ý cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng/trẻ.

Về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng

xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao 02 con chung cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng/trẻ. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về việc “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 191, quyền số 01/2009 ngày 09/10/2009 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn K và ông Trịnh T là hợp pháp.

Căn cứ nội dung tự khai, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về mọi mặt, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hai bên đã sống ly thân từ đầu năm 2021.

Căn cứ văn bản số 81/UBND ngày 29/3/2022 của Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thì hiện bà K, ông T không còn chung sống với nhau từ tháng 02/2022.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với bị đơn và bị đơn cũng đồng ý ly hôn với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử thấy, hôn nhân là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với mong muốn xây dựng hạnh phúc thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nay mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Trịnh Đ sinh ngày 30/01/2010 và Trịnh Th sinh ngày 28/6/2013. Xét yêu cầu của nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, Hội đồng xét xử thấy, trong thời kỳ hôn nhân của bà K, ông T thì 02 con chung chủ yếu được nguyên đơn chăm sóc do bị đơn đi làm, không thường xuyên ở nhà. Căn cứ văn bản số 81/UBND ngày 29/3/2022 của Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thì hiện nay 02 trẻ do nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng, tình trạng 02 trẻ bình thường, như vậy, các trẻ vẫn được đảm bảo việc học tập và phát triển

bình thường về thể chất, tâm sinh lý. Ngoài ra, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con” và tại bản tự khai, 02 trẻ đều thể hiện nguyện vọng muốn ở với mẹ, do đó, căn cứ về quyền lợi mọi mặt của trẻ và nhằm tạo điều kiện cho anh em thực hiện quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau của 02 trẻ thì việc giao cả 02 con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở, không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bị đơn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng mỗi tháng 7.500.000 đồng/trẻ. Hội đồng xét xử thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đưa ra chi phí cố định hàng tháng của trẻ Th gồm tiền học, sách vở, học thêm tiếng anh trung tâm, học bóng đá, tiền thuê xe đưa đón là 11.400.000 đồng; tiền ăn uống sinh hoạt là 8.737.333 đồng, tổng cộng là 20.137.333 đồng. Chi phí cố định hàng tháng của trẻ Đ gồm tiền học, sách vở, học thêm tiếng anh trung tâm, học bóng rổ, tiền thuê xe đưa đón là 8.165.000 đồng; tiền ăn uống sinh hoạt là 10.357.333 đồng, tổng cộng là 18.522.333 đồng.

Xét quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng; quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu để trẻ phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng của bản thân; Quyền vui chơi, giải trí để trẻ được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi thì những chi phí đã nêu của nguyên đơn là cần thiết. Tuy nhiên, cha mẹ cùng có nghĩa vụ chịu trách nhiệm đối với chi phí học tập, sinh hoạt của các con, đồng thời, người trực tiếp nuôi con phải sắp xếp thời gian đưa đón con, do đó, không chấp nhận tiền thuê xe đưa đón mà nguyên đơn đã nêu mà chấp nhận chi phí học tập, ăn uống, sinh hoạt của trẻ.

Tại phiên tòa, bị đơn cũng trình bày, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh của công ty nên thu nhập không ổn định, do đó, căn cứ mức thu nhập của cả nguyên đơn và bị đơn, căn cứ chi phí học tập, sinh hoạt của trẻ mà 02 bên thừa nhận, căn cứ nghị quyết 954/2020/UBTVQH14 về mức giảm trừ gia cảnh được điều chỉnh từ ngày 01/7/2021 là 4.400.000 đồng/tháng đối với người phụ thuộc để tính thuế thu nhập cá nhân, việc chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng/trẻ là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Hai bên khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn K được ly hôn với ông Trịnh T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn K và ông Trịnh T có 02 con chung tên Trịnh Đ sinh ngày 30/01/2010 và Trịnh Th sinh ngày 28/6/2013. Giao cả 02 con chung cho bà K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trịnh T cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng/trẻ, bắt đầu thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ thành niên.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng, bà Nguyễn K chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/20/0017870 ngày 06/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trịnh T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

7. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn K, ông Trịnh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND P. A, Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vương Thị Lan Phương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vương Thị Lan Phương**

